

Năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non - Một số nghiên cứu trên thế giới

Nguyễn Thị Dung

Email: dungnt.mn@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Số 04 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: *Năng lực chuyên môn của giáo viên quyết định đến chất lượng của quá trình giáo dục. Nhiệm vụ giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non đòi hỏi giáo viên phải có những năng lực chuyên môn đặc thù. Các thành phần cấu trúc chính của năng lực nghề nghiệp là động lực, thực tế nghề nghiệp, cá nhân - chuyên nghiệp... Bằng cách hồi cứu các tài liệu liên quan, bài viết trình bày khái quát kết quả nghiên cứu trên thế giới về năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non và nội dung đánh giá năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non, từ đó định hướng một số vấn đề cần quan tâm ở các nghiên cứu tiếp theo.*

TỪ KHÓA: Năng lực, giáo dục, kĩ năng sống, giáo viên mầm non, nghiên cứu.

→ Nhận bài 13/8/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 22/9/2023 → Duyệt đăng 25/11/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320324>

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục nói chung phụ thuộc rất lớn vào năng lực giáo dục của giáo viên. Nhà sư phạm K.D. Usinxki cho biết rằng, chất lượng giáo dục phụ thuộc rất lớn vào bầu không khí chung của trường học nhưng điều quan trọng nhất vẫn là nhân cách của giáo viên, người thường xuyên tiếp xúc với trẻ. Ảnh hưởng của nhân cách người thầy đối với tâm hồn trẻ thơ tạo nên sức mạnh giáo dục to lớn mà sách giáo khoa, những lời dạy đạo đức, thường phạt không thể thay thế được. Đặc biệt, Mầm non là bậc học có những đặc thù riêng, đòi hỏi giáo viên cần có năng lực hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Năng lực là một thuộc tính tâm lí, bao gồm nhiều yếu tố như: kiến thức, kĩ năng, thái độ, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động và trách nhiệm. Nói tới năng lực là khả năng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề trong những tình huống thay đổi thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trên cơ sở hiểu biết, kĩ năng và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động [1]. Năng lực giáo dục kĩ năng sống là một trong những năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non, cho phép họ thực hiện thành công nhiệm vụ giáo dục kĩ năng sống cho trẻ.

Trên thế giới, từ lâu đã có những nghiên cứu quan tâm đến kĩ năng sống và các nghiên cứu về năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của việc giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non. Với nhiều cách tiếp cận khác nhau, các nghiên cứu không chỉ khái niệm hóa về khái niệm kĩ năng sống, phân loại kĩ năng sống, đưa ra nội dung và hình thức giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mà còn quan tâm tới năng lực của người hướng dẫn trẻ hình thành

các kĩ năng. Các nghiên cứu đã chỉ ra cấu trúc năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên, từ đó xây dựng bộ công cụ để đánh giá năng lực này của giáo viên mầm non để nâng cao chất lượng giáo dục kĩ năng sống cho trẻ. Bên cạnh hồi cứu các kết quả nghiên cứu trước đó, bài viết còn phân tích, đối sánh những phát hiện liên quan để định hướng cho nghiên cứu tiếp theo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu được thực hiện qua việc thu thập những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như: sách, tạp chí, Internet... của các công trình nghiên cứu đã được công bố có liên quan đến vấn đề năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non, qua đó phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa cho việc nghiên cứu năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non.

2.2. Những nghiên cứu về giáo dục kĩ năng sống

2.2.1. Khái niệm kĩ năng sống

Cronin (1996) định nghĩa: Kĩ năng sống là những kĩ năng hoặc nhiệm vụ góp phần vào hoạt động thành công, độc lập của một người ở tuổi trưởng thành. Những kĩ năng này thường có thể được chia thành 5 nhóm lớn, đó là: Tự chăm sóc bản thân và sinh hoạt trong gia đình, giải trí và nghỉ ngơi, giao tiếp và kĩ năng xã hội, kĩ năng nghề nghiệp và các kĩ năng khác cần thiết cho sự tham gia của cộng đồng. WHO (1997) định nghĩa kĩ năng sống là khả năng thích ứng và hành vi tích cực cho phép con người đối phó hiệu quả với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hằng ngày. Dựa trên định nghĩa này, một định nghĩa làm việc đã được hình thành cho

các quốc gia Khu vực Đông Nam Á (Southeast Asia Region) về kỹ năng sống là khả năng thích ứng và hành vi tích cực cho phép họ đối phó hiệu quả với các yêu cầu và thách thức trong bối cảnh gia đình, cộng đồng và văn hóa. Theo UNICEF: “Kỹ năng sống là những hành vi cụ thể mà thể hiện khả năng chuyển đổi kiến thức, thái độ thành hành động thích ứng trong cuộc sống” [2]. Kỹ năng sống được định nghĩa là tất cả các hành vi thích ứng tích cực mà một cá nhân thực hiện để giúp anh ta giải quyết hiệu quả các yêu cầu của cuộc sống bằng cách chuyển tải thông tin mà anh ta biết, các xu hướng và giá trị mà anh ta tin tưởng, suy nghĩ và tin tưởng và sử dụng chúng trong các nhiệm vụ họ nên làm và cách họ làm việc trong cuộc sống hằng ngày [3]. Kỹ năng sống là những kỹ năng cần thiết mà một cá nhân không thể từ bỏ hoặc trốn tránh việc học chúng, không chỉ để thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của mình mà còn nhằm duy trì và tồn tại và để tiếp tục quá trình tiên bộ và phát triển cách sống trong xã hội hiện nay [4]. Kỹ năng sống là tập hợp các kỹ năng liên quan đến môi trường mà trẻ sống, trong đó kiến thức, giá trị, thái độ mà trẻ thực hiện một cách có chủ ý, có tổ chức thông qua một loạt các hoạt động và ứng dụng trong tình huống thực tế. Những kỹ năng này nhằm mục đích xây dựng nhân cách tổng hợp của trẻ để trẻ có thể đảm nhận trách nhiệm và giải quyết thành công các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống hằng ngày, điều này giúp trẻ trở thành một cá nhân tốt [5]. Từ những quan niệm về kỹ năng sống trên có thể thấy: Kỹ năng sống là những năng lực xã hội và năng lực của cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hằng ngày. Kỹ năng sống vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội. Kỹ năng sống mang tính cá nhân vì nó là khả năng của một cá nhân. Kỹ năng sống mang tính xã hội vì trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, từng vùng miền đòi hỏi mỗi cá nhân phải có những kỹ năng sống phù hợp. Kỹ năng sống không chỉ để giải quyết các vấn đề xã hội mà còn giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của con người [6].

2.2.2. Giáo dục kỹ năng sống

Với sự tài trợ của các tổ chức quốc tế như: UNICEF, UNESCO, UNFPA, WHO, chương trình giáo dục kỹ năng sống đã được phát triển rộng khắp. Thông qua mạng lưới toàn cầu, các tổ chức đã mở các hội thảo, cung cấp tài liệu, đồng thời phối hợp với nhau để đẩy mạnh hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong thanh thiếu niên thông qua các cách tiếp cận khác nhau. Chương trình này đã được thực hiện và phát triển mạnh trong khu vực Mỹ Latinh và Caribe (bao gồm: Chile, Colombia, Mexico, Peru, Venezuela, Uruguay, Brazil, Costa Rica và vùng Caribe), khu vực Nam Phi và Botswana, khu vực Châu Á (Bangladesh, Bhutan, Campuchia, Trung Quốc, Ấn Độ,

Mông Cổ, Nepal, Srilanka, Campuchia, Indonesia, Lào, Myanmar, Philippines, Thái Lan, Việt Nam) [7]. Các tác giả John Dewey, R. Johnson, R. Slavin, A. Smith... đã đưa ra những nội dung để giáo dục kỹ năng hoạt động nhóm, đó là sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực, tương tác trực diện năng động, trách nhiệm và công việc cá nhân, những kỹ năng quan hệ người - người và cách xử lý công việc và đã đề cao quá trình trải nghiệm sống hợp tác của người học ở cả nhà trường và xã hội [8]. N.V. Samanskai trong tác phẩm “Làm thế nào để chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông và cuộc sống thành công?” đã hướng dẫn và giúp đỡ trẻ phát huy tiềm năng của mình, khắc phục các rào cản và thích nghi tốt với cuộc sống như: Vượt qua thách thức về sự yếu đuối, nhút nhát, sợ độ cao, nhận thức được mặt mạnh và yếu của mình để phát huy hoặc khắc phục [9]. Theo Nguyễn Thanh Bình, giáo dục kỹ năng sống là giáo dục cách sống tích cực trong xã hội hiện đại, là xây dựng những hành vi lành mạnh và thay đổi những hành vi, thói quen tiêu cực trên cơ sở giúp người học có cả kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng thích hợp [10].

Có nhiều cách phân loại kỹ năng sống: UNESCO phân loại kỹ năng sống thành kỹ năng sống chung và những kỹ năng sống trong từng lĩnh vực của đời sống con người bao gồm: Những kỹ năng sống chung được phân thành ba nhóm: 1/ Kỹ năng nhận thức; 2/ Kỹ năng đương đầu với cảm xúc; 3/ Kỹ năng xã hội hay kỹ năng tương tác. Những kỹ năng sống trong từng vấn đề cụ thể: Vệ sinh, vệ sinh thực phẩm, sức khỏe, dinh dưỡng; các vấn đề về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản; ngăn ngừa và chăm sóc người bệnh HIV/AIDS; sử dụng rượu, thuốc lá và ma túy; ngăn ngừa thiên tai, bạo lực và rủi ro; hòa bình và giải quyết xung đột; gia đình và cộng đồng; giáo dục công dân; bảo vệ thiên nhiên và môi trường; văn hóa; ngôn ngữ; công nghệ. UNICEF phân chia kỹ năng sống thành ba nhóm: Kỹ năng nhận biết và sống với chính mình; Kỹ năng nhận biết và sống với người khác; Các kỹ năng ra quyết định một cách hiệu quả. Tùy thuộc vào từng độ tuổi, mỗi nhóm đối tượng khác nhau thì kỹ năng sống cũng khác nhau. Đối với trẻ em lứa tuổi mầm non, kỹ năng sống bao gồm: Kỹ năng nhận thức; Kỹ năng vận động (thô, tinh) và kỹ năng thuộc về lĩnh vực vệ sinh, sức khỏe; Kỹ năng tự phục vụ bản thân: ăn uống, tự mặc quần áo; Kỹ năng giao tiếp ứng xử với hoàn cảnh; Kỹ năng kiềm chế cảm xúc, ý chí: Tự kiềm chế chờ đến lượt mình, cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.

2.3. Những nghiên cứu về năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non

2.3.1. Năng lực

Có nhiều cách hiểu khác nhau về năng lực, cách hiểu thứ nhất coi năng lực là khả năng: “Năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực

hiện một hoạt động nào đó” [11]. Denyse Tremblay cho rằng: Năng lực là “Khả năng hành động, thành công và tiến bộ dựa vào việc huy động và sử dụng hiệu quả tổng hợp các nguồn lực để đối mặt với các tình huống trong cuộc sống” [12]. Eric Thesaurus cho rằng năng lực là việc sở hữu kiến thức, kỹ năng, thái độ và đặc điểm nhân cách mà một người cần có để đáp ứng các yêu cầu của một nhiệm vụ cụ thể. Mansfield lại quy năng lực vào đặc điểm, phẩm chất, thuộc tính... của con người năng lực là: “Một mô tả cụ thể các kỹ năng và phẩm chất dưới dạng hành vi mà nhân viên cần để trở nên hiệu quả hơn trong một công việc”. Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau về năng lực, song cách hiểu năng lực của Bernd Meier khái quát nhất, năng lực là một thuộc tính tâm lý phức hợp, là điểm hội tụ của nhiều yếu tố như: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động và trách nhiệm. Khái niệm năng lực gắn liền với khả năng hành động. Năng lực hành động là một loại năng lực, nhưng khi nói phát triển năng lực, người ta cũng hiểu đồng thời là phát triển năng lực hành động [13]. Như vậy, năng lực là khả năng thực hiện một cách có trách nhiệm và hiệu quả các hành động, giải quyết các nhiệm vụ và vấn đề trong các tình huống luôn thay đổi trong lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hoặc cá nhân trên cơ sở kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động [14].

Philip W. Jackson cho rằng: “Năng lực giáo dục để chỉ sự sẵn có và sử dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng và tư duy trong quá trình giảng dạy và hướng dẫn. Năng lực giáo dục của giáo viên bao gồm khả năng tổ chức và cung cấp môi trường học tập, lựa chọn phương pháp, tài liệu phù hợp và tương tác hiệu quả với người học” [15]. Linda Darling-Hammond định nghĩa năng lực giáo dục là khả năng của giáo viên trong việc xây dựng môi trường học tập khách quan, sử dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người học. Năng lực giáo dục cũng liên quan đến khả năng phân tích và đánh giá quá trình giảng dạy để nâng cao chất lượng học tập [16]. Hargreaves và Fullan nhấn mạnh việc nâng cao năng lực của giáo viên để đáp ứng những thách thức và yêu cầu ngày càng phức tạp trong giáo dục. Năng lực giáo viên bao gồm khả năng sáng tạo, lãnh đạo, làm việc độc lập và hợp tác, áp dụng các phương pháp và công nghệ mới vào giảng dạy. Có thể thấy, các khái niệm về năng lực giáo dục đều nhấn mạnh vai trò và khả năng của giáo viên trong quá trình giảng dạy, tạo môi trường học tập và thúc đẩy sự phát triển của người học.

2.3.2. Năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non

Khi đề cập đến vai trò của giáo viên trong giáo dục trẻ em, A.L.Ghexsen đã chỉ ra rằng, không những tri thức của giáo viên mà cả chính nhân cách của họ bao gồm hệ

thống các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp cũng ảnh hưởng tới trẻ em [17]. Khả năng giảng dạy tốt của giáo viên mầm non có thể bù đắp cho nhiều thiếu hụt khác của một trường học; Ngược lại, khả năng giảng dạy kém của giáo viên mầm non có thể làm cho những lợi thế khác của trường trở nên vô nghĩa. Domitrovich, C. E. Bradshaw, C.P.Greenberg, M.T.Embry, D. Poduska, J.M & Lalongo, N.S. (2010) đã nghiên cứu mô hình tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong môi trường trường học nhằm cung cấp các phương pháp và chiến lược hiệu quả để phát triển kỹ năng sống cho trẻ [17]. Trong nghiên cứu này, vai trò của giáo viên được nhấn mạnh. Giáo viên không chỉ đảm nhận vai trò giảng dạy mà còn là người hướng dẫn, người tạo điều kiện và người tương tác với trẻ để phát triển các kỹ năng sống [18]. Jennings và Greenberg (2009) khẳng định vai trò của năng lực xã hội và cảm xúc của giáo viên mầm non trong việc tạo ra một lớp học có lợi cho học sinh và khám phá mối quan hệ giữa năng lực giáo viên và kết quả học tập xã hội của học sinh. Giáo viên có năng lực xã hội và cảm xúc cao thường tạo ra môi trường lớp học tích cực, khuyến khích sự tương tác và hỗ trợ cho học sinh [19]. Nghiên cứu “World Class: How to Build a 21st-Century School System” của Andreas Schleicher chỉ rõ tầm quan trọng của giáo viên trong việc xây dựng một hệ thống giáo dục chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thế kỷ XXI. Giáo viên không chỉ có trách nhiệm truyền đạt kiến thức mà còn phải phát triển các kỹ năng sống và phẩm chất đạo đức cho trẻ [20]. Năng lực giáo dục kỹ năng sống là năng lực của cá nhân, thể hiện việc thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các hoạt động giáo dục kỹ năng sống hoặc giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề có liên quan đến kỹ năng sống trong các tình huống giáo dục khác nhau trên cơ sở tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong giáo dục kỹ năng sống [21].

Như vậy, mặc dù ở các góc độ khác nhau nhưng các nghiên cứu này đã góp phần làm rõ vai trò tác động của giáo viên mầm non trong việc giảng dạy và hỗ trợ phát triển kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Để có được năng lực giáo dục kỹ năng sống, trước hết giáo viên cần phải có kiến thức về kỹ năng sống nói chung và kiến thức về kỹ năng sống của trẻ mầm non nói riêng, phải có kiến thức giáo dục và giáo dục kỹ năng sống, có những kiến thức cần thiết, chuẩn mực, tinh thần, thái độ và trách nhiệm, đặc trưng cho giáo dục kỹ năng sống trong trường mầm non, có môi trường, bối cảnh phù hợp để thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Trong mỗi năng lực thành phần có các chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ tương ứng [22]. Đây là căn cứ quan trọng để làm cơ sở cho việc phát triển và đánh giá năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non.

2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non

Năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non liên quan đến nhiều yếu tố và được đề cập đến trong các nghiên cứu tiêu biểu sau (xem Bảng 1).

Bảng 1 cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non bao gồm: Yếu tố chủ quan (nhận thức, thái độ, sự thành thạo nghề nghiệp, động lực) và yếu tố khách quan (yếu tố hỗ trợ, yếu tố củng cố).

Về phía chủ quan: Nhận thức của các nhà giáo dục mầm non về những chỉ số học tập và sức khỏe trong

Bảng 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non

Tác giả (năm)	Quốc gia	Các yếu tố ảnh hưởng
1. Niu YC, Liu CH, Chiu SY, Chen YA (2014) [23]	Đài Loan	1. Nhận thức 2. Yếu tố hỗ trợ 3. Yếu tố củng cố
2. Zahir, Hidaya Mohamed (2004) [24]	Maldives	1. Thái độ 2. Động lực 3. Sự thành thạo nghề nghiệp 4. Phát triển chuyên môn
3. Abobo & Oredho, (2014) [25]	Kenya	1. Thái độ của giáo viên 2. Sự hiểu biết
4. Nonduduzo Mohale và Racheal Mafumbate * (2019) [26]	Eswatini	Trình độ không phù hợp

khung chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục cung cấp [27], kiến thức, nhận thức của các nhà giáo dục về cả giáo dục sức khỏe, khuyến khích ở trường mẫu giáo [28] và kĩ năng sống [29].

Về phía khách quan: Các yếu tố củng cố bao gồm sự hỗ trợ của nhà trẻ, đồng nghiệp, chính sách của chính phủ, dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp, phụ huynh và cộng đồng [28]. Abobo (2012) chỉ ra rằng, cơ sở vật chất giảng dạy là yếu tố chính quyết định sự thành bại trong một tình huống dạy/học [25]. Tuy nhiên, sự sẵn có của tài liệu chưa phải là yếu tố bảo đảm chất lượng của quá trình học tập. Do đó, những tài liệu này phải được sắp xếp theo đúng thứ tự, được sử dụng hoặc sử dụng đúng lúc với sự hướng dẫn thích hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập.

Tóm lại, yếu tố chủ quan và khách quan đều ảnh hưởng đến năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non với các mức độ khác nhau nhưng đa số các nghiên cứu đều chỉ ra các yếu tố chủ quan có tác động lớn. Nhiệm vụ của các nghiên cứu tiếp theo là tìm ra cách thức tác động phù hợp để nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên mầm non trong hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non.

2.3.4. Nội dung và công cụ đánh giá năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non

Với những đặc trưng của hoạt động giáo dục kĩ năng sống và cách tiếp cận nghiên cứu về năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non, các nhà nghiên

Bảng 2: Nội dung đánh giá năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên mầm non

Tác giả (năm)	Nghiên cứu	Bối cảnh	Nội dung đánh giá
1. Thelma Harms, Richard M. Clifford và Debby Cryer [30]	The Early Childhood Environment Rating Scale (ECERS-R)	Hoa Kỳ	1. Môi trường vật chất 2. Hoạt động học tập 3. Tương tác giữa giáo viên và trẻ 4. Môi trường gia đình và cộng đồng
2. Robert C. Pianta (1998) [31]	The Early Childhood Teacher Rating Scale (ECTRS)	Hoa Kỳ	1. Xây dựng quan hệ 2. Quản lí lớp học 3. Cung cấp hướng dẫn 4. Sự tương tác và hỗ trợ với trẻ 5. Đánh giá và kế hoạch giảng dạy 6. Liên kết với gia đình và cộng đồng
3. CASEL (2014) [32]	SEL Assessment Guide for Teachers	Hoa Kỳ	Công cụ này được chia thành ba phần sau, với Phần 1 và Phần 2, mỗi phần được chia thành hai phần: Phần 1. Đánh giá tương tác xã hội Phần A. Tự đánh giá việc thực hiện dạy học Phần B. Tự đánh giá năng lực SEL của giáo viên Phần 2. Đánh giá tương tác giảng dạy Phần A. Tự đánh giá việc thực hiện dạy học Phần B. Tự đánh giá năng lực SEL của giáo viên
4. Alexandra Rutherford (2018) [33]	Development and Validation of the Early Childhood Educator Beliefs and Practices Scale	Canada	1. Niềm tin, giá trị và quan điểm của giáo viên về giáo dục kĩ năng sống 2. Cách giáo viên thực hiện các hoạt động và phương pháp giảng dạy 3. Mức độ hỗ trợ của giáo viên trong việc phát triển kĩ năng sống cho trẻ.

cứ đã đưa ra nội dung để đánh giá năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non, có thể kể đến một số tác giả như Thelma Harms, Richard M. Clifford và Debby Cryer, Robert C. Pianta (1998), cụ thể nội dung được trình bày trong Bảng 2.

Nhìn chung, nội dung đánh giá năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non đã được nhiều nhà nghiên cứu xây dựng và đưa vào sử dụng. Các nghiên cứu đã đưa ra nội dung đánh giá đa dạng, nhưng đều có điểm chung, ngoài việc định hướng nội dung đánh giá về yếu tố thuộc cá nhân như niềm tin, quan điểm, năng lực thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục cho trẻ, còn đánh giá các yếu tố khách quan liên quan đến môi trường, mức độ hỗ trợ. Thelma Harms, Richard M. Clifford và Debby Cryer xây dựng một công cụ đánh giá chất lượng môi trường giáo dục mầm non dựa trên quan sát trực tiếp trong lớp học [31]. Nó được sử dụng để đo lường chất lượng của các chương trình giáo dục mầm non, đảm bảo rằng môi trường học tập đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng và cung cấp một nền tảng tốt cho sự phát triển và học tập của trẻ. ECERS-R (The Early Childhood Environment Rating Scale) đánh giá các khía cạnh khác nhau của môi trường giáo dục mầm non, bao gồm: Môi trường vật chất: Đánh giá các yếu tố như không gian lớp học, đồ chơi, tài liệu học tập, các khu vực hoạt động và các tài nguyên khác có sẵn trong lớp học. Hoạt động học tập: Đánh giá các hoạt động giáo dục mà giáo viên sắp xếp và cung cấp cho trẻ, bao gồm hoạt động hướng dẫn, hoạt động tự do và hoạt động ngoài trời. Tương tác giữa giáo viên và trẻ: Đánh giá tương tác giữa giáo viên và trẻ, bao gồm sự tương tác cá nhân, hỗ trợ và khuyến khích của giáo viên, cũng như sự tham gia của trẻ trong hoạt động học tập. Môi trường gia đình và cộng đồng: Đánh giá sự liên kết giữa lớp học và gia đình cũng như tài trợ và hỗ trợ từ cộng đồng.

Cùng với những nội dung được đưa ra để định hướng việc đánh giá năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên, các bộ công cụ sau đây đã được các nhà nghiên cứu thiết kế và sử dụng để đánh giá năng lực giáo dục kỹ

năng sống của giáo viên mầm non (xem Bảng 3).

Công cụ đánh giá bao gồm thang đo, tiêu chí cụ thể cung cấp một khung chuẩn trong việc đánh giá. Thang đo được xây dựng bởi Zhang Yanhong và Zhou Chunyan ở Trung Quốc nghiên cứu việc phát triển và đánh giá bộ công cụ đánh giá kỹ năng sống của giáo viên mầm non [35]. Nghiên cứu này bao gồm hai phần chính: Phần đầu tiên tập trung vào việc phát triển bộ công cụ đánh giá kỹ năng sống của giáo viên mầm non. Bộ công cụ này bao gồm 28 câu hỏi, chia thành 7 lĩnh vực chính bao gồm: 1) Quản lý cảm xúc, 2) Xây dựng mối quan hệ, 3) Giải quyết xung đột, 4) Tự quản lý, 5) Kỹ năng tư duy sáng tạo, 6) Kỹ năng giao tiếp, 7) Kỹ năng giải quyết vấn đề. Phần thứ hai của nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá hiệu quả của bộ công cụ đánh giá kỹ năng sống của giáo viên mầm non. Nghiên cứu đã sử dụng bộ công cụ này để đánh giá năng lực của 357 giáo viên mầm non ở Trung Quốc. Kết quả cho thấy tính tin cậy và hiệu quả của bộ công cụ đánh giá này trong việc đánh giá năng lực của giáo viên mầm non ở Trung Quốc. Bộ công cụ của Zhao Dongmei và Wang Yanāng lượng (2019) tại Trung Quốc mô tả việc phát triển và xác thực bộ công cụ đánh giá năng lực kỹ năng sống của giáo viên mầm non ở Trung Quốc bao gồm 22 câu hỏi và được chia thành 05 khía cạnh: Kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng quản lý quan hệ, kỹ năng giáo dục và nuôi dưỡng trẻ, kỹ năng phát triển chuyên môn. Nghiên cứu này đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện năng lực của giáo viên mầm non. Các câu hỏi trong bộ công cụ này được phát triển dựa trên các tài liệu tham khảo về giáo dục kỹ năng sống, đánh giá năng lực giáo viên và các tiêu chuẩn năng lực giáo viên của Bộ Giáo dục và Tài nguyên Nhân lực Trung Quốc. Sau đó, bộ công cụ được xác thực bằng phương pháp đánh giá bằng chuyên gia và đánh giá bằng thử nghiệm trên một nhóm giáo viên mầm non. Kết quả cho thấy, bộ công cụ đánh giá này có độ tin cậy và tính hiệu quả cao trong việc đánh giá năng lực giáo viên mầm non trong việc giáo dục và nuôi dưỡng kỹ năng sống cho trẻ. Nghiên cứu này đề cập đến tầm quan trọng của

Bảng 3: Công cụ đánh giá năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non

Tác giả (năm)	Nghiên cứu	Bối cảnh	Công cụ đánh giá
1. Zhang Yanhong và Zhou Chunyan (2018) [35]	A Study on the Development and Evaluation of Preschool Teachers' Life Skills	Trung Quốc	Công cụ chia thành hai phần: Phần 1: Công cụ đánh giá kỹ năng sống của giáo viên mầm non, bao gồm 28 câu hỏi và chia thành 7 lĩnh vực chính: (1) Quản lý cảm xúc, (2) xây dựng mối quan hệ, (3) giải quyết xung đột, (4) tự quản lý, (5) kỹ năng tư duy sáng tạo, (6) kỹ năng giao tiếp, (7) kỹ năng giải quyết vấn đề. Phần 2: Đánh giá hiệu quả của bộ công cụ đánh giá kỹ năng sống của giáo viên mầm non.
2. Zhao Dongmei và Wang Yanāng lượng (2019) [36]	Development of the Preschool Teachers' Life Skills Scale	Trung Quốc	Bộ công cụ đánh giá này bao gồm 22 câu hỏi và được chia thành 05 khía cạnh: Kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng quản lý quan hệ, kỹ năng giáo dục và nuôi dưỡng trẻ, và kỹ năng phát triển chuyên môn.

việc đánh giá năng lực giáo viên trong việc cải thiện chất lượng giáo dục mầm non và đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ.

Cụ thể, các tác giả đề xuất các chương trình đào tạo cần phải tập trung vào việc giáo dục kỹ năng sống cho giáo viên mầm non và cần phải đảm bảo rằng các giáo viên được đào tạo để có thể áp dụng những kỹ năng này trong công việc của họ. Đa số các nghiên cứu tập trung xây dựng công cụ đánh giá năng lực của giáo viên mầm non nói chung hoặc để đánh giá kỹ năng sống của giáo viên, thiếu các bộ công cụ đánh giá cụ thể về năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non cho trẻ.

3. Kết luận

Hồi cứu các nghiên cứu cho thấy năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của việc hình thành và rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ. Một số nghiên cứu đã thiết kế và sử dụng thang đo để đánh giá năng lực giáo dục của giáo viên trong công tác thực hiện chương trình, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ ở trường mầm non. Tuy nhiên, để đánh giá năng lực giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non một cách đầy đủ và chính xác, các nghiên cứu tiếp theo cần xây dựng chi tiết những tiêu chuẩn đánh giá năng lực trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ của giáo viên mầm non.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Minh Hạc, *Một số vấn đề tâm lý học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Canh, P. T. T., Duyen, N. T., & Ngoc, H. T. (2017), *Life Skills Education For Students University Pedagogical Hung Yen University Of Technology And Education*, UTEHY Journal of Science and Technology, 14, 142-146.
- [3] Akhtarieva, Ibragimova, & Tarasova, (2019), *AKTÜRK, Demircan, Şenyurt, & Çetin, 2017; Nikitina, 2018*.
- [4] Davis LL, *Instrument review: Getting the most from a panel of experts*, Appl Nurs Res, 1992;5:194-7.
- [5] Hegner, (1991), Wright, Gottfried, & Le, (2017), Phillips và Pugh (2015).
- [6] Maryam, E., Davoud, M. M., & Zahra, G, (2011), *Effectiveness of life skills training on increasing self-esteem of high school students*, Procedia-Social and Behavioral Sciences, 30, 1043-1047, <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2011.10.203>.
- [7] Gau SJ, Yen HW, Liu CW, (2011), *The study of interventive sex education on "holistic development" of high school students based on life skills*. Formos J Sexol, 17:21-38. <https://doi.org/10.6784/FJS.201104.0021>.
- [8] Domitrovich, C. E., Bradshaw, C.P., Greenberg, M.T., Embry, D., Poduska, J.M., & Lalongo, N.S., (2010), *Integrated Models of School-Based Prevention: Logic and Theory*, <https://doi.org/10.1002/pits.20452>
- [9] N.V Samanskai, (1988), *Làm thế nào để chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông và cuộc sống thành công?* NXB Minxk.
- [10] Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Kim Dung, Lưu Thu Thủy, Vũ Thị Sơn, (2003), *Những nghiên cứu và thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam*, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, Hà Nội.
- [11] Trung tâm Từ điển học, Hoàng Phê (chủ biên), (2008), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.816.
- [12] Denyse Tremblay, (2002), *The Competency - Based approach: Helping learners become autonomous*, In Adult Education - A lifelong Journey, p.5.
- [13] Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường, (2014), *Lí luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [14] Magnani, R., MacIntyre, K., Karim, A. M., Brown, L., Hutchinson, P., Kaufman, C., ... & Transitions Study Team, (2005), *The impact of life skills education on adolescent sexual risk behaviors in KwaZulu-Natal, South Africa*, Journal of adolescent Health, 36(4), 289-304, <https://doi.org/10.1016/j.jadohealth.2004.02.025>.
- [15] Nonduduzo Mohale Racheal Mafumbate, (2019), *Effects of Resource Materials on Implementation of Life Skills Education Programme in Manzini Region High Schools of Eswatini*, DOI: 10.7176/JEP.
- [16] Liu CH, *Improvement Program of Competence of National Middle School Teachers in Health Education from 2012 to 2015*, vol. 2015. Taipei City: National Formosa Normal University, p.34-67.
- [17] Domitrovich, C. E., Bradshaw, C.P., Greenberg, M.T., Embry, D., Poduska, J.M., & Lalongo, N.S, (2010), *Integrated Models of School-Based Prevention: Logic and Theory*, <https://doi.org/10.1002/pits.20452>.
- [18] Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, (2006), *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [19] Mangrulkar L, Whitman CV, Posner M, (2001), *Life Skills Approach to Child and Adolescent Healthy Human Development*. Washington DC: Pan American Healthy Organization, p.61.
- [20] Andreas Schleicher, Paris, OECD Publishing, (2018), *World class: how to build a 21st-century school system: strong performers and successful reformers in education*, <https://doi.org/10.1787/9789264300002>.
- [21] Harris, D. N., & Sass, T. R, (2011), *Teacher training, teacher quality and student achievement*, Journal of public economics, 95(7-8), 798-812. <https://doi.org/10.1016/j.jpubeco.2010.11.009>.
- [22] Oketch, M. O, (2007), *To vocationalise or not to vocationalise? Perspectives on current trends and issues in technical and vocational education and training (TVET) in Africa*, International Journal of Educational Development, 27(2), 220-234, <https://doi.org/10.1016/j.ijedudev.2006.07.004>.
- [23] Niu YC, Liu CH, Chiu SY, Chen YA, (2014), *Study of influential factor impacting on established family partnership of health promoting elementary schools*, Taiwan J Public Health, 33:290-302, <https://doi.org/10.6288/TJPH201433103022>.
- [24] Zahir, H. M, (2018), *Under-preparedness of teachers to teach life skills education in the national curriculum*, International Journal of Social Research and Innovation, <http://saruna.mnu.edu.mv/jspui/>

- handle/123456789/14268.
- [25] Abobo, F., & Orodho, J. A. (2014), *Life skills education in Kenya: An assessment of the level of preparedness of teachers and school managers in implementing life skills education in Trans- Nzoia District, Kenya*, IOSR Journal Of Humanities And Social Science (IOSR-JHSS), 19 (9), 32-44.
- [26] Niu YC, Liu CH, Chiu SY, Chen YA, (2014), *Study of influential factor impacting on established family partnership of health promoting elementary schools*. Taiwan J Public Health, 33:290–302. <https://doi.org/10.6288/TJPH201433103022>.
- [27] Lai HR., (2006), *Cultivating life skills to promote adolescent health*, Phys Educ Sch, 94:50–5. <https://doi.org/10.29937/PES.200606.0010>.
- [28] Green LW, Kreuter MW, (1991), *Health Promotion Planning: An Educational and Environmental Approach*, 2nd ed, Mountain View, CA, USA: Mayfield.
- [29] Bright Horizons Education Team, (2019), *Teaching kids life skills: 7 Essential life skills to help your child succeed*, <https://www.brighthorizons.com/family-resources/teaching-kids-life-skills-seven-essential-life-skills-to-succeed>, Accessed 19 June 2020.
- [30] Thelma Harms, Richard M. Clifford - Debby Cryer, các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non tại Hoa Kỳ, “*The Early Childhood Enviroment Rating Scale (ECERS-R)*”.
- [31] Robert C. Pianta, (1998), *The Early Childhood Teacher Rating Scale (ECTRS)*.
- [32] CASEL, (2014), *SEL Assessment Guide for Teachers*.
- [33] Alexandra Rutherford, (2018), *Development and Validation of the Early Childhood Educator Beliefs and Practices Scale*.
- [34] Zhang Yanhong - Zhou Chunyan, (2018), *A Study on the Development and Evaluation of Preschool Teachers' Life Skills*.
- [35] Zhao Dongmei - Wang Yanling, (2019), *Development of the Preschool Teachers' Life Skills Scale*.

PRESCHOOL TEACHERS' COMPETENCE OF LIFE SKILLS EDUCATION - OVERVIEW OF INTERNATIONAL STUDIES

Nguyễn Thị Dung

Email: dungnt.mn@vnies.edu.vn
 The Vietnam Institute of Educational Sciences
 No.04 Trinh Hoai Duc, Dong Da, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The teachers' professional competence determines the quality of education. Educating life skills for preschool children requires teachers to have specific professional competencies. The main components of professional competence are motivation, professional practice, personal-professional, etc. By reviewing relevant documents, the article presents the research results on preschool teachers' competence in life skills education and its contents of assessment, thereby orienting some issues that need attention in further studies.*

KEYWORDS: Competence, education, life skills, preschool teachers, research.